

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn  
Các khách hàng trả trước tiền mua căn hộ Centa Park.

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	37.326.575	70.390.708	(89.381.914)	18.335.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.000.492.368	428.397.353	(266.582.359)	2.162.307.362
Thuế thu nhập cá nhân	452.548.380	168.000.000	(173.000.000)	447.548.380
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	972.958.638	307.176.065	(270.817.847)	1.009.316.856
Các loại thuế khác	-	332.000.706	(332.000.706)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.463.325.961</b>	<b>1.305.964.832</b>	<b>(1.131.782.826)</b>	<b>3.637.507.967</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cho thuê văn phòng 10%
- Cho vay Không chịu thuế

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	452.026.974	1.123.092.098
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.357.047.998	1.207.443.428
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	1.809.074.972	2.330.535.526
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>361.814.994</b>	<b>466.107.105</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>66.582.359</b>	-
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>428.397.353</b>	<b>466.107.105</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Tiền thuê đất, thuế nhà đất**

Tiền thuê đất, thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

30

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. **Phải trả người lao động**  
Lương còn phải trả cho nhân viên.

16. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	950.484.880	928.661.819
Chi phí hoa hồng, môi giới	12.345.552.261	12.345.552.261
Chi phí thuê văn phòng	1.988.909.094	1.712.727.276
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	15.000.000	15.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.299.946.235</b>	<b>15.001.941.356</b>

17. **Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>72.418.106.015</i>	<i>79.601.513.866</i>
Ông Nguyễn Nhân Kiệt - Phải trả tiền mượn	2.346.847.200	2.346.847.200
Công ty Cổ phần Thủ Thiêm Land - Phải trả tiền mượn	70.071.258.815	59.170.000.000
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Dầu tầm tơ Việt Nam <sup>(9)</sup>	-	18.084.666.666
- Phải trả tiền hợp tác đầu tư	-	14.000.000.000
- Phải trả tiền lãi hợp tác đầu tư	-	4.084.666.666
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>535.265.706.687</i>	<i>517.721.558.535</i>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	151.954.452	179.850.699
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng - Phải trả tiền hợp tác đầu tư <sup>(9)</sup>	500.282.105.040	500.282.105.040
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Dầu tầm tơ Việt Nam <sup>(9)</sup>	16.389.333.333	-
- Phải trả tiền hợp tác đầu tư	14.000.000.000	-
- Phải trả tiền lãi hợp tác đầu tư	2.389.333.333	-
Phải trả tiền mượn	4.892.892.308	5.552.750.335
- Công ty Cổ phần Thanh niên	2.889.373.771	3.249.231.798
- Ông Vũ Đức Tâm	2.003.518.537	2.303.518.537
Cổ tức phải trả	1.938.961.658	1.938.961.658
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.380.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.230.459.896	9.767.890.803
<b>Cộng</b>	<b>607.683.812.702</b>	<b>597.323.072.401</b>

- <sup>(9)</sup> Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 03.08/HDHTKD/SEASG-DTT/2015 ngày 03 tháng 08 năm 2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Dầu tầm tơ Việt Nam, Công ty góp vốn bằng toàn bộ quyền sở hữu đối với công trình xây dựng trên đất và quyền sử dụng đất (trả tiền thuê đất hàng năm) tại số 1534 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh và năng lực quản lý, khai thác kinh doanh; Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Dầu tầm tơ Việt Nam góp vốn bằng chi phí đầu tư và được chia lợi nhuận cố định là 12%/năm đối với số tiền Công ty đã góp vốn. Phụ lục hợp đồng số 01/PLHTKD/2019 ngày 01 tháng 07 năm 2019 điều chỉnh lợi nhuận cố định là 0%/năm áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Dầu tầm tơ Việt Nam đã góp 14.000.000.000 VND và lãi hợp tác kinh doanh là 2.389.333.333 VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

31

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- <sup>(6)</sup> Theo Hợp đồng hợp tác số 88/HĐ-HITĐT/SEA-TRASECO ngày 18 tháng 8 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng ("Traseco") về việc hợp tác đầu tư dự án Centa Park tại số 678 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Công ty sẽ góp vốn bằng quyền đầu tư dự án và các hạng mục công trình với giá trị tạm tính là 500.000.000.000 VND. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng ("Traseco") sẽ góp số tiền là 500.000.000.000 VND. Các bên được hưởng toàn bộ lợi nhuận từ dự án theo tỷ lệ góp vốn vào dự án. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng ("Traseco") đã góp 500.282.105.040 VND.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****18a. Vay ngắn hạn**

Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	1.494.501.487
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	1.243.200.012
Số tiền vay đã trả	(1.308.200.012)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.429.501.487</b>

**18b. Vay dài hạn**

Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sài Gòn để mua xe ô tô, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định được hình thành từ khoản vay (xem thuyết minh số V.9).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Ngoài ra, trong số dư tiền vay cuối năm chuyển từ vay dài hạn sang vay dài hạn đến hạn trả có khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I tại Chi nhánh Phú Viên để đầu tư sửa chữa ô bể chượp, thiết bị điện, nước và cải tạo nhà kho phục vụ sản xuất nước mắm là 186.301.475 VND. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	1.429.501.487	1.494.501.487
Trên 01 năm đến 05 năm	2.097.433.294	3.340.633.306
Trên 05 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.526.934.781</b>	<b>4.835.134.793</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	3.340.633.306
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(1.243.200.012)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.097.433.294</b>

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn với số tiền 21.156.119 VND được trình bày ở khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn khác" (xem thuyết minh số V.5a).

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp*

32

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	396.000.000.000	931.464.240	54.036.422.285	450.967.886.525
Lợi nhuận trong năm	-	-	656.984.993	656.984.993
Số dư cuối năm trước	396.000.000.000	931.464.240	54.693.407.278	451.624.871.518
Số dư đầu năm nay	396.000.000.000	931.464.240	54.693.407.278	451.624.871.518
Lợi nhuận trong năm	-	-	23.629.621	23.629.621
Số dư cuối năm nay	396.000.000.000	931.464.240	54.717.036.899	451.648.501.139

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Trần Minh Tinh	20.381.000.000	31.790.900.000
Ông Nguyễn Nhân Kiệt	132.000.000.000	136.300.000.000
Ông Nguyễn Trọng Trí	32.000.000.000	32.000.000.000
Ông Huỳnh Cao Tuấn	45.388.000.000	10.410.000.000
Ông Nguyễn Khải Hưng	19.000.000.000	19.000.000.000
Ông Nguyễn Lê Phan	21.556.000.000	21.556.000.000
Bà Hàn Hồng Hạnh	19.765.000.000	19.765.000.000
Bà Nguyễn Thị Vy Phương	19.620.000.000	19.620.000.000
Các cổ đông khác	86.290.000.000	105.558.100.000
Cộng	396.000.000.000	396.000.000.000

**20c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.600.000	39.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	39.600.000	39.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.600.000	39.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.600.000	39.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.600.000	39.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp****21a. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 3.525,80 USD (số đầu năm là 3.539,00 USD).

**21b. Vàng tiền tệ**

Công ty không còn nắm giữ vàng tiền tệ tại ngày kết thúc năm tài chính (số lượng đầu năm là 36 chỉ vàng 96%).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

33